

TOÀ ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHU VỰC 2

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỈNH QUẢNG TRỊ

Bản án số: 21/2025/HNGĐ- ST

Ngày: 16/9/2025

“V/v ly hôn và chia con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quốc Hoàn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Trương Ngọc Nhân

Bà: Cao Thị Thu Nga

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Lương Bằng – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 tham gia phiên tòa: ông Tô Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2025 tại Toà án nhân dân khu vực 2, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2025/TLST-HNGĐ ngày 25/7/2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/8/2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Phan Thị Hải Y, sinh năm 1970

Nơi cư trú: thôn T, xã Đ, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

2. *Bị đơn:* ông Phạm Xuân T, sinh năm 1965

Nơi cư trú: thôn T, xã Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Phan Thị Hải Y trình bày giữa bà và ông Phạm Xuân T đã đăng ký kết hôn ngày 24/6/1992 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình (nay là xã T, tỉnh Quảng Trị) trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc sinh được 04 người con, sau đó đến năm 2021 hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hôn nhân không còn hạnh phúc. Vì vậy bà Y làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với ông T.

Con chung của vợ chồng: Hai vợ chồng có 04 người con chung là Phạm Thị Quỳnh N, sinh ngày 24/9/1993; Phạm Thị Hồng D, sinh ngày 12/8/1996; Phạm Thị Hồng N1, sinh ngày 24/5/1998 và Phạm Thị Thu T1, sinh ngày 20/01/2005. Các cháu hiện nay đã trưởng thành.

Về tài sản chung: không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về khoản vay chung: không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Ngày 10/9/2025 Tòa án nhân dân Khu vực 2 đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm ly hôn đối với bà Y và ông T. Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông T vẫn vắng mặt nên Tòa án đã hoãn phiên tòa vì vắng mặt bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay ông T vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 phát biểu ý kiến về tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký và những người tham gia tố tụng và đưa ra quan điểm xét xử đối với vụ án: Căn cứ Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị cho bà Phan Thị Hải Y được ly hôn với ông Phạm Xuân T.

Về con chung: các con đã trưởng thành nên không xem xét

Về tài sản chung: bà Y không yêu cầu nên không xem xét

Về vay chung: không có nên không xem xét.

Về án phí: Áp dụng khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: bà Y phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Y đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000387 ngày 25/7/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ kiện tranh chấp về hôn nhân và gia đình, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2, tỉnh Quảng Trị.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân Khu vực 2 đã triệu tập ông T để hòa giải theo yêu cầu của bà Y nhưng ông T không đến để tham gia phiên tòa. Tòa án đã đến tại cơ sở và xác minh thì biết được ông T có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã Đ, tỉnh Quảng Trị. Hiện tại ông T có mặt tại địa phương. Tòa án đã niêm yết tất cả các giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án theo yêu cầu của bà Y.

Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà Y và ông T đã đăng ký kết hôn ngày 24/6/1992 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình (nay là xã T, tỉnh Quảng Trị) trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không có ai ép buộc nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nhưng do ông bà thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống mà hai bên không khắc phục được dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Xét thấy nguyện vọng của bà Y xin được ly hôn là chính đáng cần chấp nhận, áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho bà Y được ly hôn ông T.

[3] Về con chung: bà Y và ông T có 04 người con chung là Phạm Thị Quỳnh N, sinh ngày 24/9/1993; Phạm Thị Hồng D, sinh ngày 12/8/1996; Phạm Thị Hồng N1, sinh ngày 24/5/1998 và Phạm Thị Thu T1, sinh ngày 20/01/2005. Các con đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét

[4] Về tài sản chung: không có nên không xem xét.

[5] Về vay chung: không có nên không xem xét.

[6] Án phí: Áp dụng khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: bà Y phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Y đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000387 ngày 25/7/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Bà Y đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 227, 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình:

Áp dụng Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Phan Thị Hải Y được ly hôn ông Phạm Xuân T.

2. Án phí: bà Phan Thị Hải Y phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Y đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000387 ngày 25/7/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Bà Y đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (16/9/2025), bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được niêm yết bản

án tại UBND xã nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND khu vực 2;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- THADS khu vực 2;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Quốc Hoàn